TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ **TỈNH THÁI NGUYÊN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc Lập - Tự Do - Hạnh Phúc**

Bản án số: 05/2023/HNGĐ-ST
Ngày 14 - 02 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐẠI TỪ, TỈNH THÁI NGUYÊN

Với thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Duy Khánh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Trương Khánh Thành

2. Ông Phạm Xuân Khoa

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Xuân Mừng - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tinh Thái Nguyên.

Đại diện VKSND huyện Đại Từ tham gia phiên tòa: Bà Chu Thanh Thủy - Kiểm sát viên.

Trong ngày 14 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số 226/2022/TLST - HNGĐ, ngày 21/11/2022 về việc Tranh chấp hôn nhân và gia đình theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 01/2023/QĐST - HNGĐ, ngày 04/01/2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Triệu Thị V, sinh năm 1986 (có mặt)

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở: T, xã T, huyện B, tỉnh Bắc Kạn.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn H, sinh năm 1982 (vắng mặt, có đơn xin xét xử vắng mặt)

Nơi ĐKHKTT: xóm L, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Anh H hiện đang chấp hành án tại Đội H, kM – Trại giam P – Bộ Công an.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn và các lời khai tại Tòa án nguyên đơn chị Triệu Thị V trình bày: Tôi và anh Nguyễn Văn H kết hôn năm 2018, có được tìm hiểu lấy nhau tự nguyện. Tôi và anh H có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện Đ, tinh Thái Nguyên. Sau ngày cưới được 13 ngày thì anh H bị Công an bắt về tội mua bán trái phép chất ma túy, sau đó anh H phải đi cải tạo tại trại giam Phú Sơn 4 với thời hạn 20 năm. Sau khi anh H bị bắt tôi sống tại quê nhà tại huyện B, tỉnh Bắc

Kạn sinh sống từ đó đến nay vợ chồng không gặp nhau. Nay tôi xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn với anh H.

Về con chung: Không có

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Các khoản cho vay chung: Không có.

Lời khai của bị đơn anh Nguyễn Văn H bày: Tôi và chị Triệu Thị V kết hôn năm 2018, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên. Ngay sau ngày cưới tôi bị Công an bắt và bị Tòa án xử phạt 20 năm tù về tội mua bán trái phép chất ma túy, từ khi tôi phải đi cải tạo đến nay tình cảm vợ chồng xa cách và không còn, chị V chưa đi thăm tôi lần nào. Nay tôi xác định bản thân còn phải chấp hành án một thời gian dài, tình cảm vợ chồng không còn chị V xin ly hôn tôi hoàn toàn nhất trí.

Về con chung: Tôi và chị V không có con chung.

Về tài sản chung: Không có. Về nợ chung: Không có. Các khoản cho vay chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đại Từ phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, đại diện Viện kiếm sát nhất trí và không ý kiến gì.

Về nội dung vụ án: Áp dụng các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, Nghị quyết 326/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

+ Cho chị Triệu Thị V được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

+ Về con chung: không có

+ Về tài sản chung, nợ chung, công sức đóng góp: Không có.

+ Về án phí: Chị V phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết, Tòa án tiến hành mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải, tuy nhiên anh H phải đi chấp hành án và có đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt, do đó vụ án không tiến hành hòa giải được nên phải đưa ra xét xử công khai tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, qua thẩm tra, công bố công khai tại phiên tòa, nghe ý kiến của đương sự, của kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về thủ tục tố tụng: Đây là vụ án hôn nhân và gia đình tranh chấp về Ly hôn, nuôi con chung theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Bị đơn anh Nguyễn Văn H có hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã M, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên nên việc Tòa án nhân dân huyện Đại Từ thụ lý và giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015, tại phiên tòa anh Nguyễn Văn H vắng mặt và có đề nghị giải quyết vắng mặt, Tòa án căn cứ vào Điều 227 và Điều 228 BLTTDS xét xử vắng mặt anh H là đúng quy định của pháp luật.

[2]. Về nội dung: Cuộc hôn nhân giữa chị Triệu Thị V và anh Nguyễn Văn H kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có được tìm hiểu, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân nhân xã Minh Tiến, huyện Đại Từ, tỉnh Thái Nguyên theo quy định pháp luật nên đây là cuộc hôn nhân hợp pháp. Ngay sau ngày cưới anh H phải đi chấp hành án tại trại giam P – Bộ Công an với thời hạn 20 năm. Quá trình giải quyết cả chị V và anh H đều xác định không còn tình cảm vợ chồng và đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy giữa chị V và anh H đã mâu thuẫn trầm trọng, chị V và anh H đã sống ly thân không ai quan tâm gì đến nhau từ tháng 6/2020 cho đến nay và chấm dứt mọi quan hệ. Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa chị V và anh H đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó xét đề nghị xin ly hôn của chị V là có căn cứ cần áp dụng Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận đề nghị của chị V, cho chị V được ly hôn anh Nguyễn Văn H là phù hợp.

[3]. Về con chung: Quá trình giải quyết cả V và anh H xác định vợ chồng không có con chung, nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[4]. Về tài sản: Các đương sự xác định không có tài sản chung và nợ chung, nên HĐXX không xem xét giải quyết.

[5]. Về án phí: Chị V phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định nộp ngân sách nhà nước là phù hợp.

[6]. Về quyền kháng cáo: Chị V và anh H được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 28, 143, 147, 227 và Điều 228 BLTTDS; Các Điều 51, 56 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Triệu Thị V, cho chị V được ly hôn anh Nguyễn Văn H.

2. Về con chung: không có

3. Về tài sản, nợ chung, công sức đóng góp: không có.

4. Về án phí. Chị V phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm nộp vào ngân sách Nhà nước, được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0004106 ngày 21/11/2022 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đại Từ.

Báo cho chị V được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Anh H được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận hoặc niêm yết bản án./.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Đại Từ;
- Chi cục THADS huyện Đại Từ;
- T/ báo cho UBND xã M;
- Lưu hồ sơ + VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Duy Khánh